

Số: 25 /QĐ-ĐLDK

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Phê duyệt và ban hành Quy chế Công bố thông tin  
của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần”**

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2018 của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/ 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ vào chào mua công khai cổ phiếu;

Căn cứ vào kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 84/TTr-ĐLĐK ngày 09/7/2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần**”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh văn phòng/Trưởng các Ban chức năng Tổng Công ty và Giám đốc tại các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các TV HĐQT TCT;
- TGD TCT (e-copy);
- Ban TGD TCT;
- BKS TCT;
- Các Ban/VP TCT;
- Lưu: VT, PC - QHCD, TK HĐQT.

*nhah*

*nt*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Công Kỳ**

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-ĐLĐK ngày 18/8/2018  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần)

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích của Quy chế**

Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là “Quy chế”) được ban hành nhằm công khai các hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là “Tổng công ty”), đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và những người có liên quan của Tổng công ty; giúp các nhà đầu tư, đối tác nắm được thực trạng hoạt động của Tổng công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét, thiết lập các quan hệ kinh tế, giao dịch với Tổng công ty; đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty.

2.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Cán bộ quản lý, các Ban chuyên môn/ Văn phòng, các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt**

1. Một số từ ngữ và chữ viết tắt trong Quy chế này được hiểu như sau:

1.1. Giải thích từ ngữ:

a) “*Tổng công ty*”: là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần;

b) “*Điều lệ Tổng công ty*”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần;

c) “*Người có liên quan*”: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định tại Mục 34, Điều 6, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Mục 17, Điều 4, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- d) "*Hội đồng quản trị*": là Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
  - e) "*Ban kiểm soát*": là Ban kiểm soát Tổng công ty;
  - f) "*Tổng giám đốc*": Là Tổng giám đốc Tổng công ty;
  - g) "*Người công bố thông tin*": là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty;
  - h) "*Ban chuyên môn*": là các Ban chức năng/Văn phòng của Tổng công ty;
  - i) "*Cổ đông lớn*": là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (05) phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
  - j) "*Hệ thống IDS*": là hệ thống công bố thông tin của UBCKNN để thực hiện báo cáo và công bố thông tin bằng hình thức điện tử theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  - k) "*Chứng thư số*": là một cấu trúc dữ liệu chứa các thông tin cần thiết để thực hiện các giao dịch an toàn qua mạng. Chứng thư số được lưu giữ trên máy tính dưới dạng một tập tin (file). Nội dung chứng thư số gồm: Tên chủ thể chứng thư số; Khóa công khai; Một số thông tin khác như: Tên của cơ quan chứng thực (CA) cấp chứng chỉ số đó, hạn dùng, thuật toán ký...; Chữ ký số của AC cấp chứng thư số đó. Mục đích của chứng thư số dùng để nhận diện một đối tượng khi tham gia giao dịch trên mạng;
  - l) "*Chữ ký số*": là một dạng chữ ký điện tử được thiết kế theo các quy định của pháp luật về chữ ký số nhằm xác thực thông tin dữ liệu gửi qua hệ thống công bố thông tin được tạo bởi người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty;
  - m) "*Website*": Trang thông tin điện tử/cổng thông tin điện tử;
  - n) "*Email*": Thư điện tử.
- 1.2. Viết tắt:
- a) "*UBCKNN*": là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  - b) "*SGDCK*": là Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch;
  - c) "*TTLKCK*": là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
  - d) "*Nghị định 58/2012/NĐ-CP*": Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

e) “*Thông tư 123/2015/TT-BTC*”: Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

f) “*Thông tư 155/2015/TT-BTC*”: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

g) “*Thông tư 162/2015/TT-BTC*”: Thông tư Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

h) “*BCTC*”: Báo cáo tài chính;

i) “*HDQT*”: Hội đồng quản trị;

j) “*ĐHĐCĐ*”: Đại hội đồng cổ đông;

k) “*Ban TCKT&KT*”: Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán;

l) “*Ban ĐTXD*”: Ban Đầu tư - Xây dựng;

m) “*Ban KTKH*”: Ban Kinh tế kế hoạch;

n) “*Ban TM*”: Ban Thương mại;

o) “*Ban TCNS*”: Ban Tổ chức nhân sự;

p) “*Ban PC-QHCD*”: Ban Pháp chế - Quan hệ Cổ đông.

2. Trong Quy chế này, có tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

#### **Điều 4. Các tài liệu liên quan**

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/ 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ vào chào mua công khai cổ phiếu;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần;

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

#### **Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin**

Tổng Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng Công ty.

1. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

2. Tổng công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục 01 và Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

#### **Điều 6. Yêu cầu của báo cáo công bố thông tin**

1. Báo cáo phải được thực hiện đúng theo các biểu mẫu quy định của các cơ quan chức năng và gửi theo đúng phương thức được yêu cầu, đối với báo cáo bằng văn bản phải có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền ký báo cáo.

2. Báo cáo công bố thông tin phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, đầy đủ, chính xác, kịp thời. Trường hợp thông tin được công bố không chính xác phải thực hiện đính chính thông tin.

## **Điều 7. Phương tiện công bố thông tin**

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của TTLKCK;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Tổng công ty được khuyến khích công bố thông tin bằng tiếng Anh theo hướng dẫn tại Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Anh thì nội dung công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo.

3. Tổng công ty phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

- a) Tổng công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
- b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC;

- c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

4. Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

5. Khi Tổng công ty trở thành Tổ chức niêm yết phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

6. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

7. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCNNN, SGDCK.

## CHƯƠNG II CÔNG BỐ THÔNG TIN

### **Điều 8. Quy trình, chế độ báo cáo và công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy trình quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.
2. Chế độ báo cáo và công bố thông tin của Tổng công ty được quy định trong Phụ lục 2 đính kèm Quy chế này.
3. Đối với những quy định khác (tùy từng trường hợp) áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 9. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng**

#### 1. Trả lời phỏng vấn

Việc cung cấp thông tin cho các phương tiện truyền thông đại chúng, trả lời phỏng vấn về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty phải do người đại diện cho Tổng công ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc chỉ định/ủy quyền thực hiện. Trường hợp các thông tin này có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Tổng công ty thì phải tiến hành công bố thông tin đồng thời với việc cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng hoặc ngay sau khi người có thẩm quyền đã trả lời phỏng vấn báo chí.

Trường hợp cán bộ, nhân viên Tổng công ty hoặc người công bố thông tin được mời đích danh cho các cuộc phỏng vấn về những nội dung liên quan đến hoạt động của Tổng công ty thì phải báo cáo Chủ tịch hội đồng quản trị/Tổng giám đốc đồng ý trước khi phỏng vấn và khi trả lời phỏng vấn phải nêu rõ các ý kiến trả lời là ý kiến cá nhân.

Khi có bất kỳ các tổ chức, cá nhân nào cung cấp thông tin không chính thức làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Tổng công ty, ban chuyên môn liên quan phải báo cáo Tổng giám đốc để xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông tin đó được công bố.

#### 2. Đưa thông tin và các bài viết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Chỉ có Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người được chỉ định/ủy quyền là người có thẩm quyền đưa hoặc duyệt nội dung thông tin về các bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### 3. Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin của nhà đầu tư và các cơ quan hữu quan.

Khi có yêu cầu cung cấp thông tin từ nhà đầu tư và các cơ quan hữu quan, bộ phận tiếp nhận yêu cầu chuyển đến Tổng giám đốc để xử lý. Tổng giám đốc

sẽ căn cứ nội dung yêu cầu cung cấp thông tin để cung cấp thông tin theo yêu cầu hoặc chuyển cho các ban chuyên môn liên quan báo cáo, cung cấp thông tin.

**Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Tổng công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

**Điều 11. Xử lý hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin**

Các Ban chức năng, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

**Điều 12. Trách nhiệm của các bên liên quan:**

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm phê duyệt toàn bộ thông tin công bố định kỳ và thông tin công bố theo yêu cầu trước khi công bố.

2. Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm phê duyệt toàn bộ thông tin công bố bất thường trước khi công bố.

3. Trách nhiệm của người công bố thông tin:

- Đại diện cho Tổng công ty trong công tác công bố thông tin;
- Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;
- Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra nhân viên tổng hợp thông tin lập báo cáo theo đúng quy định;
- Công bố thông tin đã được phê duyệt bằng cách gửi văn bản công bố thông tin đến UBCKNN và/hoặc SGDCK, các cơ quan chức năng theo quy định;
- Đăng tải thông tin trên Website của Tổng công ty và/ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật và Quy chế này, phải chịu trách nhiệm về nội dung đăng tải;
- Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Tổng công ty về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này;
- Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Tổng công ty;
- Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và pháp luật về các thông tin công bố;

- Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ. Liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định.

4. Văn phòng Tổng công ty có trách nhiệm phát hành và lưu trữ báo cáo công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật và tại Quy chế này.

5. Trách nhiệm của Ban PC-QHCD

- Thông báo tới các Ban chuyên môn có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố

- Là đầu mối thu thập, tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, chuyển cho người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định và trình Tổng giám đốc thông qua;

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin trong công việc được giao.

6. Trách nhiệm của các Ban chuyên môn Tổng công ty:

Chuyển các thông tin được yêu cầu đến Ban PC-QHCD;

Thông tin của các Ban chuyên môn phải được lập thành văn bản theo mẫu công văn nội bộ của Tổng công ty và ký xác nhận nội dung của thông tin của đại diện phụ trách bộ phận. Ban chuyên môn phải chịu trách nhiệm về thông tin chuyển cho Ban PC-QHCD.

### CHƯƠNG III

#### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

##### **Điều 14. Sửa đổi, bổ sung**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.

## PHỤ LỤC 1

### QUY TRÌNH XỬ LÝ, CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 256 /QĐ-ĐLĐK ngày 03/8/2018  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần)

#### **Bước 1. Chuẩn bị công bố thông tin:**

1. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Tổng công ty là Ban Pháp chế - Quan hệ cổ đông.

2. Vào thời điểm kết thúc quý, năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định tại Phụ lục 2 gắn kèm Quy chế này, Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin thông báo tới các ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và các tổ chức/cá nhân có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố.

3. Các ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và tổ chức/cá nhân có liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Tổng công ty chậm nhất là bảy (07) ngày trước thời hạn mà Tổng công ty phải công bố (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

4. Thông tin của các tổ chức/cá nhân có liên quan phải được lập thành văn bản theo đúng mẫu (nếu có) và có ký xác nhận nội dung của thông tin. Tổ chức/cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin chuyển cho Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin.

#### **Bước 2: Xử lý thông tin:**

1. Khi nhận được thông tin do các tổ chức/cá nhân có liên quan cung cấp, Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin và soạn theo văn bản công bố thông tin theo mẫu (nếu có) trình Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phê duyệt theo thẩm quyền.

2. Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

#### **Bước 3. Phê duyệt thông tin:**

1. Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có thẩm quyền phê duyệt toàn bộ thông tin trước khi công bố.

2. Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày Tổng công ty phải công bố thông tin theo quy định (Các

trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

**Bước 4. Công bố thông tin:**

1. Người công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin đã được phê duyệt bằng cách gửi văn bản công bố thông tin đến UBCKNN và/hoặc SGDCK theo quy định.

2. Đồng thời với việc công bố thông tin theo quy định, người công bố thông tin phải đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty và/hoặc các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, Quy chế này và phải chịu trách nhiệm về nội dung đăng tải.

**Bước 5. Bảo quản và lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố:**

Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm.

Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong tối thiểu 05 năm.

**PHỤ LỤC 2**  
**CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-ĐLTK ngày 09/8/2018  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần)*

**A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Stt	Nội dung	Thời gian báo cáo	Hình thức	Nơi nhận	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu báo cáo	Ghi chú	Bộ phận chủ trì báo cáo
<b>BÁO CÁO QUÝ</b>									
1	Báo cáo tài chính Quý/BCTC quý đã được soát xét (nếu có) (BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất)	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý và trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét (nếu có).	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý và trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét (nếu có).	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.  IDS-11.2; IDS-11.4'; IDS-11.8.		Ban TCKT&KT
<b>BÁO CÁO 6 THÁNG</b>									
1	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất)	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc (06) tháng đầu năm tài chính.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc (06) tháng đầu năm tài chính.	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.  IDS-11.2; IDS-11.4'; IDS-11.8.		Ban TCKT&KT

2	Báo cáo tình hình quản trị Tổng Công ty 6 tháng	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phụ lục 05		Ban TCNS
3	Báo cáo về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Trường hợp huy động vốn để thực hiện đầu tư).	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Khoản 4 Điều 8 và Mẫu số 05, Nghị định 58/2012/NĐ-CP		Ban TCKT&KT
	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Điều 32 Mẫu số 07, Nghị định 58/2012/NĐ-CP		Ban TCKT&KT
4	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm.	Chậm nhất là ngày 30/07	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK	Chậm nhất là ngày 30/07	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.		Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6.	Ban PC-QHCD
	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng cuối năm.	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK	Chậm nhất là ngày 31/01 năm tiếp theo	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.		Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12.	Ban PC-QHCD
<b>BÁO CÁO NĂM</b>									
1	Báo cáo tài chính năm kiểm toán (gồm BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất).	Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.  IDS-11.1; IDS-11.3; IDS-11.7.	Trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (nếu có).	Ban TCKT&KT

2	Báo cáo thường niên	Chậm nhất là 20 ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phụ lục 05		Ban TCNS
3	Báo cáo tình hình quản trị Tổng Công ty	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.	Phụ lục 05		Ban TCNS
4	Họp ĐHCĐ thường niên		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.			Ban KTKH

**Lưu ý:**

- Khi công bố thông tin các BCTC Quý/6 tháng/năm: Tổng công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
  - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
  - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
  - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kể từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
  - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.
  - Tổng công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện nêu trên trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty con, công ty liên kết hoặc các đơn vị kế toán trực thuộc và BCTC hợp nhất, BCTC tổng hợp.

- Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, Tổng Công ty phải công bố trên website của Tổng Công ty, UBCKNN, SGDCK về tài liệu họp ĐHĐCĐ trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm: Thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

## B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

STT	Nội dung	Hình thức	Nơi nhận	Mẫu báo cáo	Ghi chú	Bộ phận chủ trì báo cáo
<b>BÁO CÁO/CBTT TRONG THỜI HẠN 24H</b> (Kể từ thời điểm phát sinh dự kiến, không phụ thuộc ngày làm việc hay ngày nghỉ)						
<b>I</b>	<b>CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/HĐQT</b>					
1	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCNS
2	Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban KTKH
3	Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT
4	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban ĐTXD chủ trì phối hợp Ban TCKT&KT
5	Đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCNS

6	Các Quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Tổng Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban KTKH chủ trì, phối hợp Ban TCNS
7	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban ĐTXD chủ trì, phối hợp Ban TCKT&KT, Ban TCNS
8	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm trừ từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT
9	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban ĐTXD
10	Quyết định mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng Công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TM chủ trì, phối hợp Ban ĐTXD, Ban TCNS
11	Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TM, phối hợp Ban TCKT&KT
12	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban ĐTXD chủ trì

13	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</li> <li>- Trường hợp Tổng Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;</li> <li>- Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Tổng Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Tổng Công ty thông qua công ty chứng khoán; Tổng Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.</li> </ul>	<p>Văn bản giấy Văn bản điện tử</p>	UBCKNN SGDCK			Ban ĐTXD chủ trì, phối hợp Ban TCKT&KT, Ban TCNS
14	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	<p>Văn bản giấy Văn bản điện tử</p>	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT
<b>II</b>	<b>CÓ BIẾN ĐỘNG VỀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT</b>					
1	Tổng Công ty có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ;	<p>Văn bản giấy Văn bản điện tử</p>	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 05	Gửi UBCKNN trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin.	Ban TCNS

					Gửi SGDCK kèm theo quyết định/ nghị quyết về việc thay đổi nhân sự trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành quyết định/ nghị quyết.	
	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK		Gửi SGDCK trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.	Ban TCNS
2	Có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng Công ty.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCNS
<b>III</b>	<b>THAY ĐỔI QUAN TRỌNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1	Khi có các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị công ty;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT
2	Thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban PC-QHCD
3	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn tới tổng giá trị các khoản vay của Tổng Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Tổng Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Tổng Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT

4	Tổng Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Tổng Công ty được sửa đổi, bổ sung;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Gửi kèm theo bản sao hợp lệ.	Ban TCNS
5	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT
6	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm luật về thuế;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT, phối hợp Ban TCNS, Ban PC-QHCD
7	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT
8	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCNS
9	Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban TCKT&KT
<b>CBTT BẤT THƯỜNG KHÁC</b>						
1	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: Báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Ban PC-QHCD

	đồng hiện hữu cho TTLKCK, SGK, báo cáo UBCKNN, đồng thời CBTT chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến				
2	Trường hợp hợp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định đối với hợp ĐHĐCĐ thường niên.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Ban PC-QHĐ
3	Trường hợp lấy ký kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng Công ty phải công bố trên Website của mình, đồng thời gửi cho tất cả cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Ban PC-QHĐ
4	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng Công ty công bố BCTC khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Ban TCKT&KT
5	Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty đại chúng công bố BCTC sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Ban TCKT&KT
6	Sau khi chia, tách, sáp nhập, Tổng Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố BCTC khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Ban TCNS

### C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Stt	Nội dung	Thời gian báo cáo	Hình thức	Nơi nhận	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận chủ trì báo cáo
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 h kể từ khi nhận được yêu cầu của	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Trong thời hạn 24 h kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK, TTLKCK	Quy định tại Điều 7 Quy chế này.		Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).	Ban PC-QHCD
2	Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó;	UBCKNN, SGDCK, TTLKCK							Ban PC-QHCD

### D. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Stt	Nội dung	Thời gian báo cáo/CBTT	Hình thức	Nơi nhận	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận thực hiện
<b>CBTT VỀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ</b>							
1	Khi dự kiến giao dịch Cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không qua hệ thống giao dịch của SGDCKHN (cho hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc	Người nội bộ phải CBTT trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc; Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan, Tổng Công ty phải công bố trên website của Tổng Công ty.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 05	Chỉ được bắt đầu tiến hành giao dịch sau 24h kể từ khi có CBTT từ phía SGDCK; Thời hạn giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ của Tổng Công ty và người liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ	Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).

	nhận chuyển nhượng Cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...)					phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.	
2	Hoàn tất giao dịch	Người nội bộ phải CBTT trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký; Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan, Tổng Công ty phải công bố trên website của Tổng Công ty.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 05		Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).
3	Trường hợp không thực hiện giao dịch như đã thông báo hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký	Người nội bộ phải CBTT trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch; Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan, Tổng Công ty phải công bố trên website của Tổng Công ty.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Trình bày lý do không thực hiện được giao dịch	Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).
4	Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng Công ty hoặc người có liên quan		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định như đối với người nội bộ của Tổng Công ty và người có liên	Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).

	của các đối tượng này					quan của các đối tượng này.	
4	Trường hợp cổ đông nội bộ của Tổng Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ và người có liên quan.	Người thực hiện giao dịch (cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan).
5	Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Tổng Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng Công ty		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK		Phải thực hiện CBTT như quy định đối với người nội bộ.	Tổ chức thực hiện giao dịch.

**CBTT VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN**

*(Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết Tổng Công ty)*

1	Khi trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn	Cổ đông lớn phải CBTT cho Tổng Công ty,	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 05	Thời điểm tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC.	Cổ đông lớn.
2	Khi có giao dịch hoặc không có giao dịch nhưng làm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá 1% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành tính từ đợt báo cáo gần nhất.	UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Tổng Công ty phải CBTT trên website trong thời hạn 03 ngày sau khi nhận được báo cáo liên quan			Phụ lục 05		Cổ đông lớn.

**CBTT VỀ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TRONG THỜI HẠN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG**

1	Trước khi giao dịch.	Cổ đông sáng lập phải CBTT chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 05	Kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ chấp thuận việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng	Cổ đông sáng lập
---	----------------------	-----------------------------------------------------------------	---------------------------------	-----------------	------------	----------------------------------------------------------------------------------------	------------------

*shulng*

		thực hiện giao dịch.				cho người không phải là cổ đông sáng lập	
2	Báo cáo kết quả thực hiện giao dịch.	Cổ đông sáng lập phải CBTT trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 05	Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập, Tổng Công ty phải công bố trên website của Tổng Công ty.	Cổ đông sáng lập
3	Báo cáo lý do giao dịch không thực hiện.	Cổ đông sáng lập phải CBTT trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK			Cổ đông sáng lập

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH**

<b>1</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán ra công chúng</b>						
1.1	Công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 23 và Phụ lục 11, Thông tư 162/2015/TT-BTC;  IDS-20.		Ban ĐTXD
1.2	Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 23 và Phụ lục 12, Thông tư 162/2015/TT-BTC;  IDS-21.		Ban ĐTXD
1.3	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 24 và Phụ lục 13, Thông tư 162/2015/TT-BTC;  IDS-24.		Ban ĐTXD
1.4	Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu ra công	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 24 và Phụ lục 14, Thông tư		Ban ĐTXD

	chúng.	kết thúc đợt chào bán.			162/2015/TT-BTC.		
1.5	Báo cáo thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày có quyết định của HĐQT	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Khoản 5 Điều 9 và Mẫu số 04 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.		Ban ĐTXD
<b>2</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu</b>						
2.1	Công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	Ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 37 và Phụ lục 19, Thông tư 162/2015/TT-BTC		Ban ĐTXD
2.2	Công bố thông tin phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.	Ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 37 và Phụ lục 20, Thông tư 162/2015/TT-BTC; IDS-19.		Ban ĐTXD
2.3	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 37 và Phụ lục 21, Thông tư 162/2015/TT-BTC; IDS-17 / IDS18;		Ban ĐTXD
2.4	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua lại cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 37 và Phụ lục 22, Thông tư 162/2015/TT-BTC.		Ban ĐTXD
<b>3</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ</b>						
3.1	Công bố thông tin mua lại cổ phiếu/bán cổ	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 44 và Phụ lục 24, Thông tư		Ban ĐTXD

	phiếu quỹ	từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại/bán cổ phiếu quỹ			162/2015/TT-BTC.		
3.2	Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 44 và Phụ lục 24, Thông tư 162/2015/TT-BTC;  IDS-12/IDS-16.		Ban ĐTXD
3.3	Thông báo quyết định của Tổng Công ty về việc thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày có quyết định.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 46 và Phụ lục 26, Thông tư 162/2015/TT-BTC.		Ban ĐTXD
3.4	Thông báo thay đổi phương án giao dịch mua lại cổ phiếu/bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 46 và Phụ lục 27, Thông tư 162/2015/TT-BTC.		Ban ĐTXD
<b>4</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về chào mua công khai</b>						
4.1	Công bố thông tin chào mua công khai	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Khoản 1 Điều 50 Nghị định 58/2012/NĐ-CP;  Điều 51 và Phụ lục 29, Thông tư 162/2015/TT-BTC.		Ban ĐTXD
4.2	Báo cáo kết quả chào mua công khai	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 52 Nghị định 58/2012/NĐ-CP;  Điều 52 và Phụ lục 30 Thông tư 162/2015/TT-BTC;  IDS-15.		Ban ĐTXD
4.3	Thay đổi phương án chào mua công khai		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN	Điều 51, Nghị định 58/2012/NĐ-CP.		Ban ĐTXD

				SGDCK			
	Điều chỉnh giá chào mua công khai	Ít nhất 07 ngày trước khi kết thúc đợt chào mua.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Khoản 2 Điều 48 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.	Chỉ được điều chỉnh tăng giá chào mua. Phải đảm bảo giá tăng thêm được áp dụng đối với tất cả các cổ đông của công ty mục tiêu kể cả các cổ đông đã chấp nhận bán.	Ban ĐTXD
	Rút lại đề nghị chào mua.				Điều 49 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.		Ban ĐTXD
			Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Báo cáo về việc rút lại đề nghị chào mua.		Ban ĐTXD
		Trong thời hạn 24 giờ sau khi nhận được công văn chấp thuận của UBCKNN.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK	Báo cáo nhận được công văn chấp thuận của UBCKNN.		Ban ĐTXD
		Sau khi được UBCKNN chấp thuận.		01 trang báo điện tử hoặc 01 tờ báo viết	Công bố thông tin về việc rút lại đề nghị chào mua.	Công bố trong 3 số liên tiếp.	Ban ĐTXD
	Tiếp tục chào mua công khai	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về việc tiếp tục chào mua theo quy định của Luật chứng khoán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 51, Nghị định 58/2012/NĐ-CP.		Ban ĐTXD
4.5	Tổng Công ty có cổ phiếu bị chào mua công khai.	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào	Văn bản giấy Văn bản điện tử	SGDCK	Công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua		Ban ĐTXD

		mua.					
		Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN	Ý kiến của HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu	Trường hợp có ý kiến thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT phải công bố kèm theo ý kiến này.	Ban ĐTXD
<b>5</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài</b>						
5.1	Công bố thông tin về phát hành cổ phiếu làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 32, Thông tư 162/2015/TT-BTC.		Ban ĐTXD
5.2	Công bố thông tin về hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài		Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Phụ lục 33, Thông tư 162/2015/TT-BTC.		Ban ĐTXD
<b>6</b>	<b>Báo cáo và công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam</b>						
6.1	Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán tại nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 31 Nghị định 58/2012/NĐ-CP; IDS-23.		Ban ĐTXD
6.2	Báo cáo thay đổi (điều chỉnh) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán tại nước ngoài.	Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra Quyết định thay đổi.	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Điều 32 Mẫu số 06, Nghị định 58/2012/NĐ-CP.		Ban ĐTXD
<b>7</b>	<b>Chào bán cổ phiếu riêng lẻ</b>						
7.1	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng 10 ngày kể từ khi hoàn thành đợt chào bán	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Khoản 4 Điều 6 và Mẫu số 02, Nghị định 58/2012/NĐ-CP. IDS-22		Ban ĐTXD
7.2	Báo cáo thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày có quyết định của	Văn bản giấy Văn bản điện tử	UBCKNN SGDCK	Khoản 4 Điều 7 và Mẫu số 03, Nghị định 58/2012/NĐ-		Ban ĐTXD

	lê.	HĐQT theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông			CP.			
<b>CBTT VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI</b>								
1	Thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổng Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.	Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư 155/2015/YY-BTC và khoản 4 Điều 13 Thông tư 123/2015/TT-BTC.					Ban TCNS	

## PHỤ LỤC 3

# QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG HỆ THỐNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-ĐLTK ngày 07/8/2018  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần)

### 1. Các yêu cầu chung:

1.1. Tổng công ty sử dụng tài khoản do UBCKNN cấp và chữ ký số có giá trị pháp lý tương đương con dấu của Tổng công ty để thực hiện báo cáo và công bố thông tin điện tử trên Hệ thống IDS Plus.

1.2. Tổng công ty phải đăng ký thông tin về người phụ trách công bố thông tin của Tổng công ty với UBCKNN theo mẫu tại Phụ lục 02 Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/03/2017. Khi có thay đổi về người công bố thông tin, Tổng công ty phải cập nhật trên Hệ thống IDS Plus và chịu trách nhiệm về các thay đổi này.

1.3. Tổng công ty phải đăng ký thông tin về chứng thư số của Tổng công ty, cập nhật các thông tin liên quan đến Tổng công ty trên Hệ thống IDS Plus ngay sau khi đăng nhập hệ thống. Khi có thay đổi về các thông tin nêu trên, Tổng công ty phải cập nhật trên Hệ thống IDS Plus và chịu trách nhiệm về các thay đổi này.

### 2. Yêu cầu về kỹ thuật:

2.1. Máy tính sử dụng để gửi báo cáo và công bố thông tin:

- Máy tính sử dụng một trong các trình duyệt Internet Explorer hoặc Firefox hoặc Chrome.

- Máy tính phải được kết nối internet.

2.2. Thiết bị lưu chứng thư số công cộng (Token) do nhà cung cấp dịch vụ chứng thư số công cộng cấp cho Tổng công ty.

### 3. Định dạng file báo cáo:

- File biểu mẫu của báo cáo và công bố thông tin được định dạng file Excel và sử dụng các file biểu mẫu được tải về từ Hệ thống IDS Plus, đảm bảo thứ tự của các cột, các ô theo đúng file biểu mẫu quy định.

- File đính kèm phải được định dạng file PDF.

### 4. Định dạng font chữ:

Thông tin nhập vào Hệ thống IDS Plus phải sử dụng Tiếng Việt với font chữ Unicode TCVN 6909:2001.

### 5. Đặt tên file:

5.1. Tên biểu mẫu báo cáo được đặt theo định dạng sau:

<Mã báo cáo>\_<Tên báo cáo>\_<Kỳ báo cáo>

Trong đó:

<Mã báo cáo>: Là biểu mẫu excel được quy định sẵn trên Hệ thống IDS Plus, người dùng không được thay đổi mã báo cáo.

<Tên báo cáo>: Tên do người dùng đặt thể hiện vắn tắt nội dung báo cáo.

<Kỳ báo cáo>: Quý, Năm.

Ví dụ: “IDS-11.3\_BaoCaoTaiChinh\_Quy”.

5.2. Tên file đính kèm được đặt theo tên các báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Điều 14 Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/03/2017.

**6. Thông tin báo cáo và công bố qua Hệ thống IDS Plus:** Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 14 Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/03/2017.

**7. Nghĩa vụ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo:**

Việc công bố thông tin của công ty đại chúng qua Hệ thống IDS Plus được xác định đồng thời hoàn thành nghĩa vụ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo.

**7.1. Các bước gửi báo cáo và công bố thông tin:**

**Bước 1:** Truy cập địa chỉ <http://ids.ssc.gov.vn>.

**Bước 2:** Đăng nhập Hệ thống IDS Plus bằng tài khoản đã được cấp.

**Bước 3:** Trên màn hình gửi báo cáo, người dùng nhập dữ liệu vào các trường (các trường có dấu \* là bắt buộc nhập), đính kèm file báo cáo.

**Bước 4:** Ký số tài liệu báo cáo theo hướng dẫn tại Mục 7.2.

**Bước 5: Kịch Gửi báo cáo:**

**7.2. Ký số tài liệu báo cáo:** Tổng Công ty có thể chọn một trong hai hình thức ký số tài liệu báo cáo như sau:

- Ký số offline: Ký số tài liệu báo cáo bằng công cụ ký số của nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số trước khi tải file tài liệu báo cáo vào Hệ thống IDS Plus.

- Ký số tài liệu báo cáo trực tiếp trên Hệ thống IDS Plus.

**8. Xử lý sự cố:**

8.1. Trường hợp hệ thống của Tổng công ty có sự cố dẫn đến không gửi được báo cáo, Tổng công ty thông báo cho UBCKNN ngay trong ngày làm việc.

8.2. Trường hợp hệ thống của Tổng công ty gặp sự cố nêu tại Mục 8.1, Tổng công ty gửi báo cáo bằng văn bản (ngoài phong bì ghi rõ: Tài liệu báo cáo công bố thông tin) hoặc file điện tử có chữ ký số đến địa chỉ nêu tại Phụ lục 4 đính kèm Quy chế này. Trong trường hợp này, thời gian nhận thông tin công bố bằng văn bản được xác định theo dấu bưu điện; thời gian nhận thông tin công bố qua Email được xác định theo thời gian nhận được email hiển thị trên phần mềm nhận thư.

Sau khi sự cố được khắc phục, Tổng công ty thông báo theo các hình thức nêu tại Mục 8.1 ngay trong ngày làm việc và Tổng công ty gửi lại báo cáo điện tử qua Hệ thống IDS Plus.

8.3. Trường hợp UBCKNN từ chối báo cáo của Tổng công ty, Tổng công ty phải gửi lại báo cáo chính xác cho UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được thông báo của UBCKNN.

**9. Lưu trữ văn bản điện tử đã được ký số:**

- Văn bản điện tử đã được ký số phải được lưu trữ tập trung trên thư mục của Ban PC&QHCC, được sao lưu định kỳ 6 tháng/lần.

- Văn bản cứng cùng các tài liệu, hồ sơ đã được gửi, Văn phòng (Văn thư) có trách nhiệm lưu trữ riêng theo quy định của Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

**10. Bảo quản chứng thư số:**

- Chứng thư số được lưu trữ trong thiết bị VNPT-AC Token.

- Khóa bí mật, các dữ liệu trong Token được bảo quản theo chế độ “Mật”.

- Trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ chứng thư số, khóa bí mật không còn an toàn, Token bị thất lạc, Tổng Công ty phải thông báo ngay cho đơn vị cung cấp chứng thư số và thực hiện theo chỉ dẫn.

## PHỤ LỤC 4

### NOI GỬI BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐLĐK ngày / /2018  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần)

Stt	Tổ chức	Địa chỉ	Điện thoại	Phụ trách	Email	Điện thoại
1	UBCKNN	Tòa nhà D, 234 Lương Thế Vinh, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.	04.3934.0750	<b>Kỹ thuật:</b> Cục Công nghệ thông tin	hotroids@ssc.gov.vn	04.3934.0750 (máy lẻ 629 hoặc 630); 04.3935.0177; 04.3926.2545.
				<b>Nghiệp vụ:</b> Vụ giám sát công ty đại chúng  Vụ quản lý chào bán chứng khoán	giamsatdaichung@ssc.gov.vn  quanlychaoban@ssc.gov.vn	04.3934.0750 máy lẻ 503.  04.3934.0750 máy lẻ 609.
2	SGDCKHN	Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	(04) 39360750  (04) 39412626			
3	TTLKCKNN	15 Đoàn Trần Nghiệp, Hai Bà Trưng, Hà Nội	(04)9747 123			
4	SGDCK TP HCM	16 Võ Văn Kiệt, Q1, TP.HCM	08 38 217 713			

## PHỤ LỤC 5

### MỘT SỐ BIỂU MẪU THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/QĐ-ĐLĐK ngày 09/8/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần)

#### DANH MỤC MẪU BIỂU

Mẫu biểu	Tên mẫu biểu
Mẫu 01	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
Mẫu 02	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
Mẫu 03	Bản cung cấp thông tin
Mẫu 04	Báo cáo thường niên
Mẫu 05	Báo cáo tình hình quản trị công ty
Mẫu 06	Báo cáo ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng
Mẫu 07	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng
Mẫu 08	Thông báo giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
Mẫu 09	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ
Mẫu 10	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ
Mẫu 11	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi; Quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng và người có liên quan của người nội bộ
Mẫu 12	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn
Mẫu 13	Thông báo thay đổi nhân sự
Mẫu 14	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan
Mẫu 15	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ
Mẫu 16	Thông báo thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động
Mẫu 17	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính
Mẫu 18	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành
Mẫu 19	Công bố thông tin bất thường
Mẫu 20	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty

Tên công ty  
Company name

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: ..... ngày ... tháng ..... năm .....  
No: ..... month ... day ..... year .....

**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN \***  
**POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION\***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán

To: - The State Securities Commission  
- The Stock Exchange

**I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”)** (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/Mandator (hereinafter referred to as “Party A” - is a company, organization subject to disclosure information):

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/ Trading name of organization, company:

.....

- Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)/Name of public securities investment fund (in case the fund management company registers authorized person to disclose information for public fund) .....

- Mã chứng khoán/Securities code:

- Địa chỉ liên lạc/Address:

- Điện thoại/Telephone: ..... Fax: ..... Email: ..... - Website:

.....

**II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)** /Authorized party (hereinafter referred to as “Party B”):

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): ..... Ngày cấp/Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue.....

- Địa chỉ thường trú/ Permanent residence:

- Chức vụ tại tổ chức, công ty/ Position in the organization, company:

**III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):**

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A/Party B is appointed as the “Authorized person to disclose information” of Party A.

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Party B is responsible on behalf of Party A to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.

\* Áp dụng cho đối tượng công bố thông tin là tổ chức  
Applied for companies/organizations in charge of information disclosure

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/ *This Power of Attorney shall take effect from.....* đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của/ *until a written notice of revocation is submitted by.....* (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/ *(Name of organization, company/ Name of fund management company)*.

**BÊN A /PARTY A**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP**  
**LUẬT/**  
**LEGAL REPRESENTATIVE**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  
*(Signature, full name and seal)*

**BÊN B /PARTY B**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*  
*(Signature, full name)*

**Tài liệu đính kèm/Attachments:**

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục 3/*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as Appendix 3;*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ..... năm .....  
....., day ..... month ..... year .....

**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN\***  
**POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION\***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
- Công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*  
- *Public company/fund management company*

**1. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”)** (là nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin)/Mandator (hereinafter referred to as “Party A” - is an individual investor subject to information disclosure Rules)

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):

- Quốc tịch/ Nationality:

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): .... Ngày cấp/Date of issue  
..... Nơi cấp/Place of issue.....

- Địa chỉ thường trú/ địa chỉ liên hệ/ Permanent residence/Address:

- Mã số giao dịch (đối với NĐTNN) Trading Code (for foreign investors):

- Các tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/The securities trading accounts or depository accounts (if any):

**2. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)** /Authorized party (hereinafter referred to as “Party B”):

a) Trường hợp tổ chức được chỉ định, ủy quyền thực hiện công bố thông tin/ In case a legal entity is designated, authorized to disclose information:

- Tên tổ chức/Legal entity's name:

- Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Head office address (address)/tel/fax/email....

- Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương,

\* Áp dụng cho đối tượng công bố thông tin là cá nhân  
Applied for individuals in charge of information disclosure

ngày cấp... nơi cấp.../Number of legal entity's Registration Business, Operation License or equivalent legal documents..., date of issue..., place of issue...

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức/Tên của cá nhân mà tổ chức đó chỉ định thực hiện việc công bố thông tin/Name of the legal representative of that legal entity/Name of authorized person of that legal entity who is directly in charge of information disclosure:....

b) Trường hợp cá nhân được ủy quyền thực hiện công bố thông tin/ In case an individual is designated, authorized to disclose information:

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):

- Quốc tịch/ Nationality:

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): ..... Ngày cấp/Date of issue.... Nơi cấp/Place of issue...

- Địa chỉ thường trú/ Permanent residence/:

- Nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ nơi công tác/ Occupation: .....at: .... working address:...

- Chức vụ tại tổ chức, công ty nơi công tác/Position in the organization, company:

### III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):

Bằng giấy ủy quyền này: bên A ủy quyền cho bên B làm "Người công bố thông tin của bên A". Bên A có trách nhiệm cung cấp thông tin về giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của mình cho bên B và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với thông tin cung cấp cho bên B. Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến các giao dịch của bên A theo quy định pháp luật/ By this authorization: Party A authorize Party B to do "The disclosure of Party A". Party A shall provide information on share/fund certificate transactions to Party B and be responsible for the completeness, timeliness and accuracy of the information provided to Party B. Party B shall perform the obligations of information disclosure relating to the transactions of party A in accordance with the law.

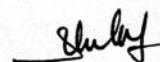
Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/ This Power of Attorney shall take effect from ..... đến ngày/to ..... hoặc đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của bên A/ until a written notice of revocation is submitted by Party A.

**BÊN A /PARTY A**

(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)

**BÊN B /PARTY B**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)  
(Signature, full name and seal- in case of legal entity)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day .... month .... year .....

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE**

Ơ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*

1/ Họ và tên /*Full name*:

2/ Giới tính/*Sex*:

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.)*: ..... Ngày cấp/*Date of issue*..... Nơi cấp/*Place of issue* .....

6/ Quốc tịch/*Nationality*:

7/ Dân tộc/*Ethnic*:

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Current position in an institution subject to information disclosure Rules*:

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in others companies*:

13/ Số CP nắm giữ: ....., chiếm .....% vốn điều lệ, trong đó:*Number of shares in possession..... , accounting for ....% of registered capital, of which*:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:*Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution)*:

+ Cá nhân sở hữu/ *Possess for own account*:

14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other commitment of holding shares (if any)*:

15/ Danh sách người có liên quan của người khai\*/*List of related persons of declarant*:

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006  
Related persons are stipulated in Article 34, paragraph 6 of the Law on Securities dated 29<sup>th</sup> June 2006

STT No.	Tên cá nhân/tổ chức/ <i>Name of individual/institutional related person</i>	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ <i>Number of ID or Passport (for individual) or Number of Business Registration, License of Operation or equivalent legal documents (for institution), date of issue, place of issue</i>	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Number of shares/fund certificates in possession, ownership rate of registered capital of the public company, public fund (if any)</i>	Mối quan hệ/ <i>Relationship</i>

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)

**MẪU 04**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**

**Tên Công ty/Name of Company**

**Năm báo cáo/Year**

**I. Thông tin chung/ General information**

**1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ *Trading name*:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No.*:
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:
- Địa chỉ/ *Address*:
- Số điện thoại/ *Telephone*:
- Số fax/ *Fax*:
- *Website*:
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*:

**Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process**

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

- Các sự kiện khác/ *Other events*

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:**

- Ngành nghề kinh doanh/ *Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Địa bàn kinh doanh/ *Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus**

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*).

**4. Định hướng phát triển/ Development orientations**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. Các rủi ro/ *Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./ *Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./ *Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

### 2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).*

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ *(List the changes in the Board of Management of the year).*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./ *Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and*

analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

<b>Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i></b>	<b>Năm/Year X - 1</b>	<b>Năm/Year X</b>	<b>% tăng giảm/ % change</b>
<p>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions</i>:</p> <p>Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i></p> <p>Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i></p> <p>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i></p> <p>Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i></p> <p>Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i></p>			
<p>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i></p> <p>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions</i>:</p> <p>Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i></p> <p>Doanh thu/ <i>Revenue</i></p> <p>Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i></p> <p>Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i></p> <p>Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i></p>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

<b>Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i></b>	<b>Năm/Year X - 1</b>	<b>Năm/Year X</b>	<b>Ghi chú/ <i>Note</i></b>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			

<p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>:  Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn  (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:  <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>  Nợ ngắn hạn  <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u>  <i>Short term Debt</i></p>			
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>			
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân  (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản  (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>			
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>.....</p>			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions*:

Chỉ tiêu/ <i>Figures</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Quy mô vốn/ <i>Capital scale</i>			

- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. <i>Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh ( <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i> )			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ ( <i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i> )			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ ( <i>Bad debt/Total debt Ratio</i> )			
3. <i>Khả năng thanh khoản/ Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwrote the issuance and listing*

of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.*

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.*

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) *Hoạt động đào tạo người lao động/ Training employees*

- *Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- *Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

*Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

**Lưu ý/Note:** *(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)**

*Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

### 2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

#### a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

#### b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/ *Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

**V. Quản trị công ty/Corporate governance** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).*

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).*

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee).*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ Activities of the committees of the Board of Directors: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings).*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. *Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company).*

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings).*

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of*

## *Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

## **VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements***

### *1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where*



*the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

Tên công ty  
Company name  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

Số:  
No.

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day .... month .... year .....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY**  
**(6 tháng/năm)**  
**(6 months/year)**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company:
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:
- Điện thoại/ Telephone: Fax: Email:
- Vốn điều lệ/ Charter capital:
- Mã chứng khoán/ Securities code:

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/  
*Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Management (Semi-annual/annual reports):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Management:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence

	<i>member</i>		<i>becoming/no longer member of the Board of Management</i>	<i>attendance</i>		
	Ông/Bà Mr./Ms. ....					

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervision by the BOD over the Director (General Director):*

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' committees:*

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Supervisory Board (Semi-annual/annual reports):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Supervisory Board:*

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
	Ông/Bà Mr./Ms. ....					

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

### IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of*

Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:

**V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ List of affiliated persons of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Number of resolutions / decisions of the AGM / BOM adopted (if any, specify date of issue)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction	Ghi chú Note

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH\*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty

con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Posittion at listed company</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries, the company which listed company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch/ <i>Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO).*

**VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *List of internal persons and their affiliated persons*

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	(Tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i> )							
	Tên							

	người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name affiliated person</i>							
	...							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/  
*Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company*

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues*

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**CHAIRMAN OF THE BOD**  
*(Ký tên và đóng dấu)*  
*(Sign and seal)*

MẪU 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ  
NĂM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**  
**REPORT ON THE DAY BECOMING/NO LONGER BEING MAJOR SHAREHOLDERS,  
INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*  
- *The public company/The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Information on individual/institutional investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / *Name of individual/institutional investor:*
- Quốc tịch/ *Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*
- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) /*Related persons (currently holding the same types of shares/ fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan /*Full name of related individual/Name of institution:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. or relevant legal documents (in case of organization), date of issue, place of issue.*
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*
- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Relationship with the individual/institutional*

investor:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/ *Name & code of share/fund certificate owned:*
4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above:* Tại công ty chứng khoán/*In securities company:*
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction:*
6. Số lượng cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đã mua/bán/ cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/ hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/ *Number of shares/ fund certificate purchase/ sell/ give/ donate/donated/ inheritance/ transfer/ transferred/swap at date on which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder/investors holding 5% or more of closed fund certificate happened:*
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction (or swap):*
8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/ *Trading date on which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder/investors holding 5% or more of closed fund certificate happened:*
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/ *Number, ownership proportion of shares/ fund certificates currently held by the related person:*
10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/ organization investor together with related persons after the transaction:*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẪM  
GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG  
REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR  
SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND  
CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - The State Securities Commission  
- The Stock Exchange  
- The public company/ The fund management  
company

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Information on individual/institutional investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / *Name of individual/organization investor:*
- Quốc tịch/ *Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*
- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) / *Related person (currently holding the same types of shares/ fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan / *Full name of related individual/organization:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at*

*the public company/fund management company (if any):*

- *Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ Relationship with the individual/institutional investor:*

3. *Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/ Name & code of share/fund certificate owned:*

4. *Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above: Tại công ty chứng khoán/In securities company:*

5. *Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction:*

6. *Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%)/ Number of shares / fund certificate purchase/sell/ give/donate/donated/inheritance/transfer/transferred/swap (to do percentage of ownership has changed over the threshold of one percent (1%):*

7. *Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction:*

8. *Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/ Number, ownership proportion of shares/ closed fund certificates currently held by the related person:*

9. *Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/ organization investor and related person after the transaction:*

10. *Lý do thay đổi sở hữu/ Reasons for change in ownership:*

11. *Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ Date of change in ownership:*

12. *Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/ Other significant changes (if any):*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

**MẪU 08**  
**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

....., ngày ... tháng ... năm ...  
....., day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ**  
**NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/ FUND CERTIFICATES OF INTERNAL**  
**PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND**  
**RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON.**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*  
- *The public company/ The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization that conducts the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người



MẪU 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ  
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA  
NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI  
CHỨNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY  
SHARES/FUND CERTIFICATES/ CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON  
OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED  
PERSON OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*  
- *The public company/ The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/  
organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức),  
ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business  
registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax :..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ  
với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the  
fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund  
management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ *ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/ *Address:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Currently position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares/fund certificates mentioned above: ..... tại công ty chứng khoán/ In securities company: .....*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number, proportion securities/ fund certificates held before transaction in rights, convertible bond:*

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/ *Number of rights or convertible bond owned:*

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/ *Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):*

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ *Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated/inherit/ transfer/ transferred.*

9. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:*

10. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Transaction period*: từ ngày/*from*.....đến ngày/*to*....

(\*) Là số cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến mua là 200)/*Being number of shares/fund certificates expected to purchase according to the execution ratio, for example, number of rights is 1000, execution ratio is 5:1, then the number of shares/fund certificates expected to purchase is 200)*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/  
INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO  
DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHỨNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF INTERNAL PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
- Công ty đại chứng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*  
- *The public company/ The fund management company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/ organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*

- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chứng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chứng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chứng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Position in the public company, the fund management company at registration date (if any):*..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chứng, công ty quản lý quỹ: .....(nêu rõ lý do) \*/ *and date on*

which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company:

\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/ Name of internal person:
- Quốc tịch/ Nationality:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ ID card/Passport No.:
- Địa chỉ thường trú/ Permanent address:
- Điện thoại liên hệ/ Address: Fax: Email:
- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ Position in the public company, the fund management company at date on which individual / organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: ...
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ Currently position in the public company, the fund management company:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/ Securities code:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:..... tại công ty chứng khoán/ In securities company: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ Number of shares/fund certificates registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred.

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi) \*\*/ Number of shares/fund certificates traded (purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap).

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates held after executing transaction:

9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction*:

10. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period*: từ ngày/*from*..... đến ngày/*to*.....

\*\* (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/ người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/\*  
(*In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.*)

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/  
INDIVIDUAL/ PERSONS AUTHORIZED TO  
DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(*Signature, full name and seal - in case of organization*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI; QUYỀN MUA CỔ  
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ  
CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ  
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO  
BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL  
PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND  
RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*  
- *The public company/ The fund management  
company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ *Information on individual/  
organization:*
2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organization:*
  - Quốc tịch/ *Nationality:*
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức),  
ngày cấp, nơi cấp/ *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business  
registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*
  - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:*
  - Điện thoại/ *Telephone* :..... Fax: ..... Email: ..... Website:  
.....
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ  
với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the  
fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund  
management company:*
  - Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/  
*Position in the public company, the public fund management company at registration date*

(if any):..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do) \*/ and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the public fund management company:

\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng)/ This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/ Name of internal person:

- Quốc tịch/ Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/ Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/ Address: Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ Posittion in the public company, the fund management company at date on which individual/organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: ...

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /Currently posittion in the public company, the fund management company:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/ Securities code:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:..... tại công ty chứng khoán/ In securities company: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi/Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction:

6. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):

7. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred:

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi

(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng \*\*/ *Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) traded to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred:*

9. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:*

10. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

11. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period:* từ ngày/*from* ..... đến ngày/*to*.....

\*\* (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/ \* *(In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/  
INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO  
DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - in case of organization)*

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN**  
*LIST OF STATE SHAREHOLDERS AND MAJORITY SHAREHOLDERS*

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

Mã chứng khoán/Stock code:

Ngày chốt danh sách sở hữu/Record date:

ST T	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số CMN D	Ngày y cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
		Shareholder type						
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn					
No.	Name of person/organiza tion (name of representative)	State shareholder	Majority shareholder	ID numbe r	Date of issue	Shareholdin g (shares)	Shareholdin g (%)	Note s
1	2	3	4	5	6	7	8	9

**Đại diện tổ chức****Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information  
(Ký, ghi rõ họ tên (chức vụ, đóng dấu-nếu là tổ chức)  
(Signature, full name, position, and seal - in case of organization)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**  
**CHANGE IN PERSONNEL**

(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm  
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số\_ ngày và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số\_ ngày\_ của Công ty\_ (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty\_ (tên tổ chức) như sau:

*Based on Board Resolution No....dated... and/or General Mandate No.... dated... of ..... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ..... (name of organization) as follows:*

**Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (\*):**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization:
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: .....
- Thời hạn bổ nhiệm/Term:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

**Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: .....
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

\*Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;  
Board Resolution and/or General Mandate on the change in personnel.
- Danh sách người có liên quan (mẫu 03\_CBTT/SGDCK)  
List of related persons (Form 03\_CBTT/SGDCK).

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ  
CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
LIST OF INSIDERS AND THEIR RELATED PERSONS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

Mã chứng khoán/Stock code:

STT	Tên người nội bộ và người có liên quan	Chức vụ/Mối quan hệ	Địa chỉ	Số ID, Ngày cấp	SL CP của cá nhân/đại diện sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Điện thoại và Fax
No.	Name of person	Position/Relationship	Address	ID number, Date of issue	Shareholding (shares)	Shareholding (%)	Appointment date	Dismissal date	Tel. and Fax
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn A	Người nội bộ							
1.1	Nguyễn Thị B	Người có liên quan của Nguyễn Văn A							
1.2	Nguyễn Văn C	Người có liên quan của Nguyễn Văn A							
1.3									
2									
2.1									
2.2									

**\* Ghi chú/Notes:**

1. Người nội bộ được hiểu theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 155/2015/TT-BTC/*Insiders are interpreted as in clause 5 Article 2 Circular No.155/2015/TT-BTC.*
2. Nếu người nội bộ là người đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát của công ty, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn đó/*If insiders are representatives of the institutional investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, provide detailed information on the institution and the representatives.*
3. Đối với công ty chứng khoán thành viên, chỉ cung cấp thông tin của Người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của Người được ủy quyền công bố thông tin/*Member firms shall only provide information of Authorized person to disclose information and related persons.*
4. Cột 8, cột 9: Áp dụng đối với người nội bộ/*Columns No 8, 9: Applicable to insiders.*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

**1. Người nội bộ/Insider**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:

- Chức vụ hiện tại/Current position:

**2. Người có liên quan/Related person:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:

- Địa chỉ liên lạc/Address:

- Điện thoại/Tel.:

- E-mail:

- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ/Relationship/Former relationship with insider:

- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related:

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH  
NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG  
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF  
ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số ngày \_\_/\_\_/\_\_, do (cơ quan)\_ cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

*Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation/License of Operation No... dated... issued by....., we would like to announce the change in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of Operation as follows:*

- Tên tổ chức/Name of organization:
  - Mã chứng khoán/Stock code:
  - Địa chỉ/Address:
  - Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
  - E-mail:
  - Website:
1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:
  2. Thông tin sau khi thay đổi/Information after change:
  3. Lý do thay đổi (nếu có)/Reason for change (if any):
  4. Ngày có hiệu lực/Effective date:

**\* Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Giấy phép hoạt động mới  
New Certificate/License

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to  
disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ANNOUNCEMENT OF (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE AND**  
**FINANCIAL STATEMENTS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC, Công ty (tên tổ chức) xin thông báo về việc thay đổi mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

*Based on point a, clause 1 Article 8 of Circular No. 155/2015/TT-BTC, we would like to make the announcement of (change in) corporate structure and financial statements as follows:*

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Stock code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

**I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/Initial disclosed information/Information before change:**

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on applicable option only):

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/Having no affiliates or sub-units
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units
- Có công ty con/Having affiliates
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/Having affiliates and sub-units

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*

BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*

BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

## **II. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change***

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable option only):*

Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/*Having no affiliates or sub-units*

Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*

Có công ty con/*Having affiliates*

Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):*

BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*

BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*

BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

3. Lý do thay đổi/*Reason for change:*

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**\* Tài liệu đính kèm/*Attached documents:***

Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin đã đăng ký.

*Documents on the changes in the registered information.*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(*Signature, full name, position, and seal*)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT  
ĐANG LƯU HÀNH**  
**CHANGE IN OUTSTANDING SHARES WITH VOTING RIGHTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Stock code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

STT No.	Nội dung Contents	Trước khi thay đổi Before change	Thay đổi Change	Sau khi thay đổi After change	Lý do thay đổi Reason for change
1	Vốn điều lệ (VNĐ) Charter Capital (VND)				
2	Tổng số cổ phiếu Total number of shares				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ Number of treasury shares				
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành Number of outstanding shares with voting rights				
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) Others (if any)				

**\* Tài liệu đính kèm/Attached  
documents:**

- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng  
khoán thay đổi/các tài liệu khác có  
liên quan
- Securities Registration Certificate  
on the change/Other related  
documents

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose  
information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization:*

- Mã chứng khoán/*Stock code:*

- Địa chỉ/*Address:*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:*

Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

.....  
(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày \_/\_/\_ tại đường dẫn \_/*This information was published on the company's website on ..... (date), as in the link\_:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

\* *Tài liệu đính kèm/Attached documents:*

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**INFORMATION ON CORPORATE GOVERNANCE**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

STT No.	Câu hỏi Question	Phần trả lời Answer
1	Mã CK/Stock code	
2	Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%) State shareholding (%)	
3	Cơ cấu tổ chức quản lý/Organizational structure: chọn 1 trong 2 (check one only)  (1): Theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014/According to point a clause 1, Article 134, Law on Enterprise 2014  (2): Theo điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014/According to point b clause 1 Article 134, Law on Enterprise 2014	  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>
4	<b>Thông tin chung</b> <b>General Information</b> Công ty có Ban kiểm toán nội bộ không? (Có/Không) Does the company have Audit Committee? (Yes/No)	
5	Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty? Number of legal representatives?	
6	Ngày ban hành Điều lệ công ty (bản mới nhất) Issue date of company's Charter (latest version)	
7	Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 (Có/Không) Charter amended according to Law on Enterprise 2014? (Yes/No)	

8		Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/Bất thường (nếu có) <i>Date of Annual/Extraordinary General Meeting of Shareholders (if any)</i>	
9		Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông <i>Release date of documents for General Meeting of Shareholders</i>	
10		Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông <i>Release date of General Mandate and Minutes of General Meeting of Shareholders</i>	
11		Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không) <i>Are there any complaints on the organizing/General Mandate of the company's General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>	
12		Số lần bị SGDK nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông? <i>Number of times that the Exchange reminds the company of the organizing and information disclosure on the General Meeting of Shareholders?</i>	
13		Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông? <i>Number of times that the State Securities Commission reminds the company of the organizing and information disclosure on the General Meeting of Shareholders?</i>	
14	<b>Hội đồng quản trị</b> <i>Board of Directors</i>	Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị hiện nay? <i>Number of Directors at present?</i>	
15		Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập? <i>Number of independent Directors?</i>	
16		Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Tổng số thành viên Hội đồng quản trị? <i>Percentage of independent Directors/Total number of Directors?</i>	

17		<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc không? (Có/Không)</p> <p><i>Does Chair of the BOD concurrently hold the CEO position? (Yes/No)</i></p>	
18		<p>Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm?</p> <p><i>Number of BOD meetings in the year?</i></p>	
19		<p>Công ty có thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị không? (Có/Không)</p> <p><i>Does the company establish committees directly under the BOD? (Yes/No)</i></p>	
20		<p>Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/ Names of committees directly under the BOD?</p>	
21		<p>Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự không? (Có/Không)</p> <p><i>Is there any independent BOD member in charge of remuneration/ reward or human resource? (Yes/No)</i></p>	
22		<p>Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên hiện nay?</p> <p><i>Number of members of supervisory board/auditors at present?</i></p>	
23	<p><b>Ban kiểm soát/ Supervisory Board</b></p> <p><b>Ban kiểm toán nội bộ (đối với tổ chức không có Ban kiểm soát)</b></p> <p><i>Internal Audit Department (in case there is no Supervisory Board in the organization)</i></p>	<p>Số lượng kiểm soát viên là kế toán viên/kiểm toán viên/Số lượng kiểm toán viên là kế toán? (liệt kê cụ thể đối với từng người)</p> <p><i>Number of supervisors having qualifications of accountants/auditors? Number of members of auditors being accountants? (detailed list by person)</i></p>	
24		<p>Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác (liệt kê tên của kiểm soát viên/kiểm toán viên là người liên quan nếu có)</p> <p><i>Number of supervisors/auditors being related persons of Directors, CEO and other executives (names of supervisors/auditors being related persons of Directors and CEO, if any)</i></p>	
25		<p>Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên nắm giữ chức vụ quản lý?</p> <p><i>Number of supervisors/auditors holding executive positions?</i></p>	

26		Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 3 năm trước đó  <i>Number of supervisors/auditors who worked in the financial and accounting department or as an auditor for the company within the last 3 years?</i>	
27		Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát/Ban kiểm toán nội bộ trong năm  <i>Number of meetings of Supervisory Board/Audit Committee in the year</i>	
28		Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)  <i>Does the company's website provide sufficient information to shareholders as stipulated? (Yes/No)</i>	
29	<b>Vấn đề khác</b>  <i>Other issues</i>	Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)  <i>Does the company pay dividend within 6 months since the end of the Annual General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>	
30		Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không)  <i>Have the Exchange or the State Securities Commission reminded the company on transactions with related parties? (Yes/No)</i>	

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*